

BÁO CÁO THU CHI QUẢN CƠM 2 000đ ĐÀ LẠT
THÁNG 04/2018
(Kèm theo bảng chi tiết chi chợ hàng ngày)

Ngày tháng	Chi tiết	Thu	Chi	Tồn
	Tồn tháng 3/2018 mang sang			90,640,252
3/4/2018	Thu bán phiếu	264,000		90,904,252
	Chi chợ		585,000	90,319,252
5/4/2018	Thu bán phiếu	260,000		90,579,252
	Chi chợ		520,000	90,059,252
7/4/2018	Thu bán phiếu	200,000		90,259,252
	Chi chợ		495,000	89,764,252
10/4/2018	Thu bán phiếu	266,000		90,030,252
	Trần Minh Phương - Kim Đồng	500,000		90,530,252
	Chi chợ		1,467,000	89,063,252
12/4/2018	Thu bán phiếu	252,000		89,315,252
	Chi chợ		1,034,000	88,281,252
14/4/2018	Thu bán phiếu	234,000		88,515,252
	Trần Anh Dũng - Sinh viên K40 - ĐL	200,000		88,715,252
	Nguyễn Văn Bảy - ĐL : 100USD	2,282,000		90,997,252
	Chi chợ		580,000	90,417,252
17/4/2018	Thu bán phiếu	316,000		90,733,252
	Bà Dương Thi Phương Mai - Hùng Vương	500,000		91,233,252
	Ông Thành + bà Bo + bà Trang + bà Diệu - Hoà	900,000		92,133,252
	Chi chợ		559,000	91,574,252
19/4/2018	Thu bán phiếu	302,000		91,876,252
	Chi chợ		688,000	91,188,252
21/4/2018	Thu bán phiếu	236,000		91,424,252
	Nguyễn Chiến Thắng - Sinh viên K37 - ĐL	200,000		91,624,252
	Chi chợ		490,000	91,134,252
24/4/2018	Thu bán phiếu	290,000		91,424,252
	Chi chợ		773,000	90,651,252
26/4/2018	Thu bán phiếu	274,000		90,925,252
	Chi chợ		573,000	90,352,252
28/4/2018	Thu bán phiếu	184,000		90,536,252
	Chi chợ		2,346,000	88,190,252
	Cộng	7,660,000	10,110,000	88,190,252

Chi tiết	Thu	Chi	Tồn
* Tồn đầu kì			90,640,252
CMTX			
CMKTX	4,582,000		
Tiền bán phiếu (1 539phiếu)	3,078,000		
Tổng chi phí		10,110,000	
* Tồn quỹ tháng 04/2018	7,660,000	10,110,000	88,190,252

TỔNG HỢP CHI PHÍ THEO NGÀY - THÁNG 04/2018

ĐVT: VND					
Ngày	Diễn giải	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành Tiền
3/4/2018	Chả chiên	kg	8	65,000	520,000
	Chuối	kg	13	5,000	65,000
	Tổng theo ngày				585,000
5/4/2018	Thịt đùi	kg	7	60,000	420,000
	Hành lá	kg	1	11,000	11,000
	Chuối	kg	13	5,000	65,000
	Nước uống	bình	2	12,000	24,000

	Tổng theo ngày				520,000
7/4/2018	Chả cá	kg	5	65,000	325,000
	Cà chua	kg	2	10,000	20,000
	Chuối	kg	10	5,000	50,000
	Cải ngọt	kg	10	10,000	100,000
	Tổng theo ngày				495,000
10/4/2018	Thịt gà	kg	18	45,000	810,000
	Cà ri , hành lá				32,000
	Thịt xay	kg	3	60,000	180,000
	Nước T4				295,000
	Đường	kg	12	12,500	150,000
	Tổng theo ngày				1,467,000
12/4/2018	Thịt xay	kg	5	60,000	300,000
	Chuối	kg	13	5,000	65,000
	Giấy ăn	lốc	2	110,000	220,000
	Phí vệ sinh T4				22,000
	Cà chua	kg	2	7,500	15,000
	Nước uống	bình	2	12,000	24,000
	DD pha nước rửa chén	gói	2	130,000	260,000
	Đậu khuôn	miếng	160	800	128,000
	Tổng theo ngày				1,034,000
14/4/2108	Thịt đùi	kg	5	60,000	300,000
	Nước màu	chai	5	6,000	30,000
	Chuối	kg	10	5,000	50,000
	Điện T4				200,000
	Tổng theo ngày				580,000
17/4/2018	Cá nục	kg	8	50,000	400,000
	Rau muống	kg	10	7,000	70,000
	Nước uống	bình	1	12,000	12,000
	Hành lá	kg	1	12,000	12,000
	Chuối	kg	13	5,000	65,000
	Tổng theo ngày				559,000
19/4/2018	Thịt xay	kg	6	60,000	360,000
	Rau muống	kg	10	7,000	70,000
	Cà chua	kg	2	7,500	15,000
	Đậu khuôn	miếng	170	800	136,000
	Nước uống	bình	1	12,000	12,000
	Bản lẻ				30,000
	Chuối	kg	13	5,000	65,000
	Tổng theo ngày				688,000
21/4/2018	Thịt đùi	kg	6	60,000	360,000
	Cải ngọt	kg	7	8,000	56,000
	Nước uống	bình	2	12,000	24,000
	Chuối	kg	10	5,000	50,000
	Tổng theo ngày				490,000
24/4/2018	Thịt heo	kg	8	60,000	480,000
	Rau muống	kg	5	7,000	35,000
	Hành lá	kg	1	12,000	12,000
	Trứng gà	kg	3	30,000	90,000
	Ớt trái	kg	1	20,000	20,000
	Giấm	chai	4	9,000	36,000
	Thuế đất 2018				100,000
	Tổng theo ngày				773,000
26/4/2018	Thịt xay	kg	6	60,000	360,000
	Đậu khuôn	miếng	170	800	136,000
	Cà chua	kg	2	6,000	12,000
	Chuối	kg	13	5,000	65,000
	Tổng theo ngày				573,000
28/4/2018	Chả chiên	kg	6	65,000	390,000
	Chuối	kg	10	5,000	50,000
	Điện thoại T3				206,000

	Lương cô Hồng T4/2018				1,700,000
	Tổng theo ngày				2,346,000
	Tổng				10,110,000

10/4/2018

14/4/2018

--

17/4/2017

--

21/4/2018
